

SỞ Y TẾ
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH
Số 35/BC-BVLVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN
(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

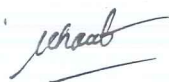
- a. Tên bệnh viện: BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH
b. Địa chỉ: 130 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh
c. Tuyến: Quận/huyện
d. Hạng: 1
e. Họ và tên Giám đốc bệnh viện: Trần Văn Khanh
f. Họ và tên thư ký Hội đồng kiểm tra: Nguyễn Thị Minh Khanh
g. Điện thoại liên hệ: 0903013909
h. Địa chỉ Email: vikhanh7416@gmail.com

TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ:	80/83 TIÊU CHÍ
2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ:	96%/100%
3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG:	349 ĐIỂM
4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ:	4.35 ĐIỂM

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC:	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	1	3	38	36	80
6. TỶ LỆ CÁC MỨC ĐẠT ĐƯỢC (%):	0	1.25%	6.25%	47.5%	45%	100%

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN



Nguyễn Thị Minh Khanh



GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN 

Trần Văn Khanh

KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

STT	PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG		Điểm
	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)		
	CHƯƠNG A1. CHỈ DẪN, ĐÓN TIẾP, HƯỚNG DẪN NGƯỜI BỆNH (6)		
1	A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn khoa học, cụ thể	5
2	A1.2	Người bệnh, người nhà người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	5
3	A1.3	Cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	4
4	A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	5
5	A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục đăng ký, khám bệnh theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	5
6	A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	4
	CHƯƠNG A2. ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ NGƯỜI BỆNH (5)		
7	A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	4
8	A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4
9	A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5
10	A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	5
11	A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận đầy đủ với các khoa, phòng và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	5
	CHƯƠNG A3. ĐIỀU KIỆN CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH (2)		
12	A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	5

STT	PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG		Điểm
13	A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa, phòng gọn gàng, ngăn nắp	5
CHƯƠNG A4. QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI BỆNH (6)			
14	A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4
15	A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư	5
16	A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4
17	A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	2
18	A4.5	Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4
19	A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	5
PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN(14)			
CHƯƠNG B1. SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (3)			
20	B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	4
21	B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	4
22	B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp và xác định vị trí việc làm của nhân lực bệnh viện	3
CHƯƠNG B2. CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC (3)			
23	B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo liên tục và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	5
24	B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	5
25	B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	5
CHƯƠNG B3. CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ ĐIỀU KIỆN, MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC (4)			
26	B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	5
27	B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc và vệ sinh lao động cho nhân viên y tế	5

STT	PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG		Điểm
28	B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	4
29	B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc tích cực và nâng cao trình độ chuyên môn	5
CHƯƠNG B4. LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN (4)			
30	B4.1	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	4
31	B4.2	Triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo dành cho bệnh viện	4
32	B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3
33	B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	3
PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)			
CHƯƠNG C1. AN NINH, TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN CHÁY NỔ (2)			
34	C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	4
35	C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng cháy, chữa cháy	4
CHƯƠNG C2. QUẢN LÝ HỒ SƠ BỆNH ÁN (2)			
36	C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4
37	C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	4
CHƯƠNG C3. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Y TẾ (2)			
38	C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	5
39	C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	4
CHƯƠNG C4. PHÒNG NGỪA VÀ KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN (6)			
40	C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	4
41	C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	5
42	C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ vệ sinh tay	5

STT	PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG		Điểm
43	C4.4	Giám sát, đánh giá việc triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4
44	C4.5	Chất thải rắn y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	-
45	C4.6	Chất thải lỏng y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	-
CHƯƠNG C5. CHẤT LƯỢNG LÂM SÀNG (5)			
46	C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	-
47	C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	4
48	C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	4
49	C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	4
50	C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	4
CHƯƠNG C6. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH (3)			
51	C6.1	Hệ thống quản lý điều dưỡng được thiết lập đầy đủ và hoạt động hiệu quả	5
52	C6.2	Người bệnh được tư vấn, giáo dục sức khỏe khi điều trị và trước khi ra viện	5
53	C6.3	Người bệnh được theo dõi, chăm sóc phù hợp với tình trạng bệnh và phân cấp chăm sóc	5
CHƯƠNG C7. DINH DƯỠNG VÀ TIẾT CHẾ (5)			
54	C7.1	Hệ thống tổ chức thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế được thiết lập đầy đủ	4
55	C7.2	Bảo đảm cơ sở vật chất thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế	4

STT	PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG		Điểm
56	C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	5
57	C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4
58	C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	4
CHƯƠNG C8. CHẤT LƯỢNG XÉT NGHIỆM (2)			
59	C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật	4
60	C8.2	Thực hiện quản lý chất lượng các xét nghiệm	3
CHƯƠNG C9. QUẢN LÝ CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG THUỐC (6)			
61	C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động được	5
62	C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất và các quy trình kỹ thuật cho hoạt động được	5
63	C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4
64	C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	5
65	C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi và báo cáo phản ứng có hại của thuốc kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	5
66	C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả	5
CHƯƠNG C10. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (2)			
67	C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	5
68	C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào việc cải tiến chất lượng khám, chữa bệnh và nâng cao hoạt động bệnh viện	5
PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)			
CHƯƠNG D1. THIẾT LẬP HỆ THỐNG VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (3)			
69	D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	5
70	D1.2	Xây dựng, triển khai kế hoạch và đề án cải tiến chất lượng	4
71	D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng bệnh viện	5

STT	PHẦN, CHƯƠNG, MÃ SỐ, TÊN TIÊU CHÍ VÀ SỐ LƯỢNG		Điểm
CHƯƠNG D2. PHÒNG NGỪA CÁC SỰ CỐ VÀ KHẮC PHỤC (5)			
72	D2.1	Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	4
73	D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	4
74	D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	4
75	D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	4
76	D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	5
CHƯƠNG D3. ĐÁNH GIÁ, ĐO LƯỜNG, HỢP TÁC VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (3)			
77	D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	3
78	D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	5
79	D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4
PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA (4)			
CHƯƠNG E1. TIÊU CHÍ SẢN KHOA			
80	E1.1	Thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	4
81	E1.2	Hoạt động truyền thông về sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em	5
82	E1.3	Thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ	4
CHƯƠNG E2. TIÊU CHÍ NHI KHOA			
83	E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	4

2. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

STT	PHẦN, MỤC VÀ SỐ LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ	Số lượng tiêu chí đạt các mức:					Điểm trung bình	Số TC áp dụng
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5		
A	HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)	0	1	0	7	11	4.47	19
A1.	Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn NB (6)	0	0	0	2	4	4.67	6
A2.	Điều kiện cơ sở vật chất (5)	0	0	0	2	3	4.60	5
A3.	Điều kiện chăm sóc người bệnh (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
A4.	Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	1	0	3	2	4.00	6
B	PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC (14)	0	0	3	5	6	4.21	14
B1.	Số lượng và cơ cấu nhân lực (3)	0	0	1	2	0	3.67	3
B2.	Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	0	0	0	3	5.00	3
B3.	Chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc (4)	0	0	0	1	3	4.75	4
B4.	Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	0	2	2	0	3.50	4
C	HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)	0	0	1	17	14	4.41	32
C1.	An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C2.	Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C3.	Công nghệ thông tin y tế (2)	0	0	0	1	1	4.50	2
C4.	Kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	0	0	2	2	4.50	4
C5.	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5)	0	0	0	4	0	4.00	4
C6.	Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc (3)	0	0	0	0	3	5.00	3
C7.	Dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	0	0	4	1	4.20	5
C8.	Chất lượng xét nghiệm (2)	0	0	1	1	0	3.50	2
C9.	Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	0	0	1	5	4.83	6
C10.	Nghiên cứu khoa học (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
D	CAI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)	0	0	1	6	4	4.27	11
D1.	Thiết lập hệ thống và cải tiến (3)	0	0	0	1	2	4.67	3
D2.	Phòng ngừa sự cố và khắc phục (2)	0	0	0	4	1	4.20	5

D3.	Đánh giá, đo lường, cải tiến (3)	0	0	1	1	1	4.00	3
E	TIÊU CHÍ CHUYÊN KHOA (4)	0	0	0	3	1	4.25	4
E1.	Tiêu chí sản khoa (3)	0	0	0	2	1	4.33	3
E2.	Tiêu chí nhi khoa (1)	0	0	0	1	0	4.00	1
	Số lượng tiêu chí đạt các mức & tổng số tiêu chí áp dụng:	0	0	1	3	38	80	
	Tỷ lệ các mức đạt được (%) & điểm trung bình chung	0	0	1.25 %	6.25 %	47.5 %	100%	

3. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

Thực hiện Kế hoạch số 1361/KH-SYT về việc Kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2025. Bệnh viện Lê Văn Thịnh đã xây dựng kế hoạch và thành lập đoàn tự kiểm tra đánh giá nội bộ theo định kỳ năm 2025, với nội dung sau:

1. Tổ chức họp hướng dẫn, triển khai nội dung, cách thức tự kiểm tra nội bộ tại Bệnh viện;

2. Đoàn kiểm tra và quan sát thực tế, đánh giá các tiêu chí theo từng tiêu mục trong 80 tiêu chí (hành thành phụ lục 03), tiêu chuẩn chất lượng cơ bản, thang điểm chấm 1000 và các chuyên đề,

3. Nộp kết quả về Thư ký Hội đồng QLCL;

4. Hội đồng QLCL và toàn bộ đoàn kiểm tra họp thống nhất kết quả tự kiểm;

5. Kết quả đánh giá chung:

- Số lượng tiêu chí áp dụng: 80 tiêu chí

- Tổng số điểm của các tiêu chí áp dụng: 349 (có hệ số: 370)

- Điểm trung bình chung của các tiêu chí: 4.35

- Số lượng tiêu chí theo mức:

Mức 1: 0 tiêu chí (tỷ lệ 0.00%)

Mức 2: 1 tiêu chí (tỷ lệ 1.25%)

Mức 3: 5 tiêu chí (tỷ lệ 6.25%)

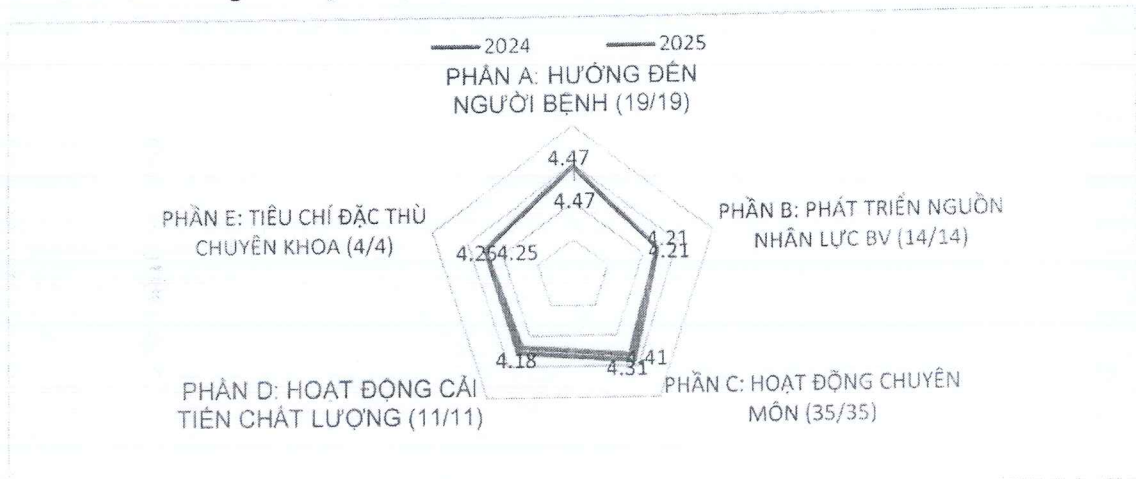
Mức 4: 38 tiêu chí (tỷ lệ 47.5%)

Mức 5: 36 tiêu chí (tỷ lệ 45%)

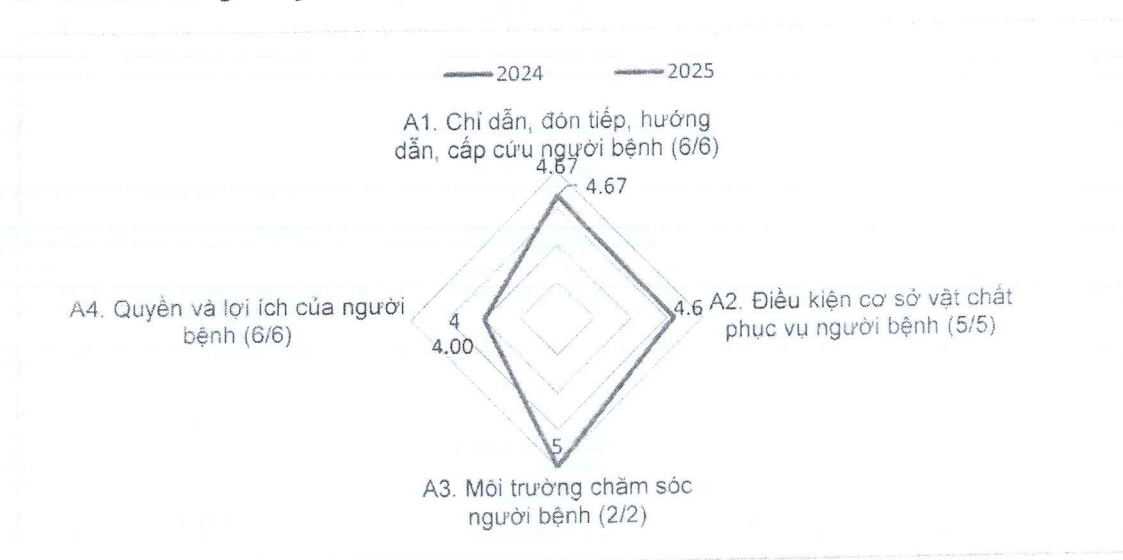
Trong năm 2025, bệnh viện không đánh giá 3 tiêu chí bao gồm tiêu chí C4.5, C4.6, C5.1 theo Kế hoạch số 1361/KH-SYT.

4. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần D hoặc E)



b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



- Trong năm 2025, bệnh viện Lê Văn Thục đã có đề án về cải tiến chất lượng khám chữa bệnh bao gồm: Giảm tỷ lệ chuyển viện ở người bệnh điều trị tại khoa Cấp cứu, Tăng cường các giải pháp tiếp thu ý kiến phản hồi của người bệnh, người nhà người bệnh, Sàng lọc khuyết tật tim bẩm sinh nghiêm trọng bằng thiết bị theo dõi SPO2 để bàn tích hợp phần mềm tại khoa Phụ sản năm 2025, Ứng dụng chuyển đổi số vào công tác tầm soát bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD) trong cộng đồng tại Bệnh viện Lê Văn Thục năm 2025.

- Có đề án “Cải tiến phần mềm quản lý đào tạo, giờ tín chỉ cập nhật kiến thức y khoa liên tục trên đa nền tảng thiết bị” nhằm đảm bảo độ chính xác trong công tác quản lý CME.

- Khoa dinh dưỡng có cải thiện về đánh giá tình trạng dinh dưỡng khi sàng lọc và tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân suy dinh dưỡng;

* Bệnh viện đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, nỗ lực phấn đấu trong suốt năm 2025 để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Duy trì thực hiện áp dụng các tiêu chuẩn ISO cho 5 khoa: Khoa Truyền máu-Huyết học, Khoa Hóa sinh, Khoa Vi sinh và Khoa Khám bệnh theo yêu cầu, khoa Cấp cứu. Các khoa xét nghiệm: Khoa Truyền máu-Huyết học, Khoa Hóa sinh, Khoa Vi sinh đã được đánh giá giám sát theo chứng nhận ISO 15189-2012. Khoa Khám bệnh theo yêu cầu đã được đánh giá giám sát theo chứng nhận ISO 9001:2015. Khoa Cấp cứu đạt chứng nhận ISO 9001:2015.

- Triển khai các công tác nâng cao chất lượng bệnh viện một cách đồng bộ, toàn diện.

- Không còn tiêu chí mức 1

- Duy trì công tác 5S, đẩy mạnh áp dụng cho các khâu: Kho hồ sơ bệnh án, Tủ thuốc trực, ...

- Duy trì tập huấn giao tiếp ứng xử, đổi mới phong cách thái độ phục vụ cho cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người bệnh.

- Hỗ trợ xây dựng đề án cải tiến chất lượng cho các khoa, phòng và đơn vị.

- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn cập nhập các quy trình thường quy

* Điểm nổi bật trong năm qua:

- Thêm 70 đề tài nghiên cứu khoa học và 14 sáng kiến được Sở Y tế phê duyệt.

- Bệnh viện triển khai áp dụng bệnh án điện tử tại toàn bệnh viện

- Bắt đầu triển khai đề án vị trí việc làm theo KPI tại các khoa/phòng tại bệnh viện
- Tổ chức tiếp đoàn các bệnh viện, trung tâm y tế đến thăm quan học tập kinh nghiệm tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh (Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, bệnh viện Bình Thạnh ...), hỗ trợ Côn Đảo, giờ phối hợp bệnh viện Từ Dũ và các bệnh viện khác mở cơ sở 2 tại Cần Giờ, hỗ trợ Trung tâm Tâm thần Tân Định Bình Dương. Tham gia trong quy trình điều phối hiến tạng của Đại học Y Dược.

6. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- Giá dịch vụ từ nguồn xã hội hóa cao hơn 30% (CT,MRI,...)

7. KẾT QUẢ TỰ KHẢO SÁT HÀI LÒNG NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ, NGOẠI TRÚ VÀ NHÂN VIÊN Y TẾ

Khảo sát	Tỷ lệ hài lòng
Người bệnh nội trú	99,63%
Người bệnh ngoại trú	98,82%
Nhân viên y tế	99,78%

8. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT: triển khai bệnh án điện tử từng giai đoạn theo kế hoạch đã ban hành; Phát triển các phần mềm;
- Triển khai các danh mục kỹ thuật theo phân tuyến quy định;
- Duy trì các khoa đạt chứng nhận ISO và có kế hoạch thực hiện ISO cho các khoa khác;
- Tiếp tục nâng cao kiến thức về văn hóa an toàn người bệnh và quản lý sự cố y khoa;
- Chú trọng giảm thời gian chờ cho người bệnh và tăng tiện ích cho người bệnh;
- Tăng cường hợp tác, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm về quản lý chất lượng, chuyên môn với các bệnh viện khác;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tiếp nhận trao đổi cập nhật thông tin trong lĩnh vực y tế.

9. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Giải pháp: Với phương châm lấy người bệnh là trung tâm, sự hài lòng của người bệnh là thước đo cho chất lượng bệnh viện. Bệnh viện đề ra một số giải pháp sau để nâng cao hài lòng người bệnh:

10. PHỤ LỤC CỦA BÁO CÁO

STT	Thông tin	Phần điền của bệnh viện (nếu không có thông tin ghi rõ chữ <i>không có</i>)
1	Địa chỉ đầy đủ (ghi toàn bộ nếu có từ 2 cơ sở trở lên)	130 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh
3	Địa chỉ tọa độ GPS của cổng chính (sử dụng điện thoại thông minh để xác định)	QQM9+4M Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Số điện thoại liên lạc của bệnh viện	(028) 5432 7888
3	Số điện thoại đường dây nóng	096 6841010
4	Địa chỉ trang điện tử (website), (nếu có)	https://benhvienlevanthinh.vn/
5	Câu khẩu hiệu ngắn của bệnh viện, nếu đã xây dựng và công bố (slogan)	Trao trọn niềm tin, trao trọn trái tim
6	Liệt kê tối đa 5 lĩnh vực hoặc chuyên khoa mũi nhọn của bệnh viện có chất lượng lâm sàng tốt nhất	Thận nhân tạo, Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương, Tim mạch - lão học và Phụ sản
7	Liệt kê tối đa 5 danh hiệu hoặc phần thưởng cao nhất của bệnh viện đã đạt được	1. Giấy khen Bệnh viện Lê Văn Thịnh đã có nhiều đóng góp trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội thành phố Thủ Đức giai đoạn 2021-2025 (QĐ số 8492/QĐ-UBND) 2. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm 2025 (QĐ số 577/QĐ-SYT) 3. Thành tích xuất sắc trong phòng, chống và khắc phục hậu quả do bão số 03 (Bão Yagi) (QĐ số 1708/QĐ-SYT) 4. Thành tích xuất sắc trong việc triển khai các giải pháp góp phần nâng cao năng lực y tế cơ sở (QĐ số 746/QĐ-UBND) 5. Thành tích xuất sắc nhân kỷ niệm “Ngày Công tác xã hội Việt Nam” năm 2025 (QĐ số 4801/QĐ-SYT) 6. Khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn thành phố Thủ Đức (QĐ số 2108/QĐ-UBND)

11. MẪU DANH SÁCH PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN ĐOÀN TỰ KIỂM TRA

Nhóm	Mã số các tiêu chí được phân công	Họ và tên	Chức danh và nơi công tác	Số ĐT	Đã học về QLCL
Trưởng đoàn		Trần Văn Khanh	Giám đốc	0983933388	3
Phó trưởng đoàn 1	Phụ trách chung (C5.1; C5.2)	Nguyễn Duy Tài	Phó Giám đốc	0903719765	3
Phó trưởng đoàn 2	Phụ trách chung (C10.1; C10.2)	Phan Văn Đức	Phó Giám đốc	0903753189	3
Phó trưởng đoàn 3	Phụ trách chung (C3.1; C3.2, ATPT)	Kiều Ngọc Minh	Phó Giám đốc	0903026869	3
Thư ký	B1.1; B1.2; B1.3; B2.1; B2.3; B3.2; B4.1; B4.3; B4.4; D2.2; D2.3	Nguyễn Thị Minh Khanh	TP. PQLCL	0903013909	3
1	D1.1; D1.2; D1.3; D3.1; D3.2; D3.3	Trần Thị Hoàng Thư	PTP. TCCB	0973884733	3
2	A1.3; A1.6	Nguyễn Thị Thái Hòa	TP. CNTT	0903058773	3
3	A1.4; C2.1; C2.2 TC3; TC4; TC8 (ATPT)	Phạm Gia Thế	TP. KHTH	0903719765	3
4	A1.5; A2.2; A2.3; A2.4; A2.5; A3.1; A3.2; A4.5	Nguyễn Thị Thanh Tùng	TP. HCQT	0935175130	3
5	A4.3; B3.1; B3.3; B3.4	Trần Thụy Trúc Phương	TP. TCKT	0908640455	3
6	A1.1; A1.2; A4.1; A4.2	Nguyễn Thị Mộng Linh	PTP. KHTH	0908676457	3
7	A4.4; C1.1; C1.2; C3.1; C3.2	Đặng Hoàng Lê Vũ	PTP. CNTT	0908660047	3
8	A2.1; A4.6; B2.2; C10.1; C10.2	Phạm Thị Thảo	PTP. QLCL	0911656739	3
9	B4.2	Trần Quang Châu	TP. CTXH	0908453313	



Nhóm	Mã số các tiêu chí được phân công	Họ và tên	Chức danh và nơi công tác	Số ĐT	Đã học về QLCL
	Khảo sát hải lòng người bệnh nội, ngoại trú				3
10	C9.1; C9.2; C9.3; C9.4; C9.5; C9.6 TC5 (ATPT)	Lê Phước Thành Nhân	TK. DƯỢC	0988333779	3
11	D2.5	Nguyễn Ngọc Sơn	PTK. KSNK	0396240010	3
12	C4.1; C4.2; C4.3; C4.4	Nguyễn Ngọc Giàu	ĐDT. NTH	0988894319	3
13	C7.1; C7.2; C7.3; C7.4; C7.5	Trần Nguyễn Tuyết Nhung	ĐDT.KSNK		3
14	C5.2; C5.3; 5.4; C5.5	Trần Quý Phương Thùy	TK. NTH	0913636566	3
15	C6.1; C6.2; C6.3; D2.1; D2.4 TC1, TC6, TC7 (ATPT)	Nguyễn Thị Chuyên	PCT. CĐ PTP. ĐD	0906822602	3
16	TC2 (ATPT)	Phạm Thị Thu Hà	ĐDT.GMHS	0395555348	3
17	E1.1; E1.2; E1.3	Nguyễn Thị Lựa	ĐDT Nhi	0773209074	3
18	E2.1	Lê Thị Thanh Tú	HST Phụ Sản	0364023916	3
19	C8.1; C8.2 QĐ 2429	Bà Trần Quý Phương Linh	TK Hóa sinh	0908684818	3
20	C8.1; C8.2 QĐ 2429	Bà Nguyễn Thị Nhung	KTV trưởng K.Hóa sinh	0984570335	3
21	C8.1; C8.2 QĐ 2429	Ông Đỗ Bá Tùng	TK Vi sinh	0902616788	3
22	C8.1; C8.2 QĐ 2429	Bà Trần Thị Thùy Linh	KTV trưởng K.Vi sinh	0906170855	3